



TÀI LIỆU MINH HỌA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

SÓNG TRỌN ƯỚC MƠ

CHÚC MỪNG, BẠN ĐÃ CÓ MỘT LỰA CHỌN SÁNG SUỐT!

Cảm ơn vì đã chọn MB Ageas Life là người đồng hành, bảo vệ cho cuộc sống của bạn.

Chúng tôi xin trân trọng kính gửi Quý khách hàng Tài liệu minh họa sản phẩm bảo hiểm **Sóng Trọn Ước Mơ**. Trong tài liệu này, chúng tôi trình bày thông tin về sản phẩm, quyền lợi bảo hiểm và phí bảo hiểm. Quý khách hàng có thể kiểm tra toàn bộ các thông tin dưới đây và liên hệ Chuyên viên tư vấn trong trường hợp có bất kỳ yêu cầu chỉnh sửa nào, hoặc muốn lập một Bảng minh họa hợp đồng khác.

ĐẶC ĐIỂM NỔI BẬT

- ▶ **LINH HOẠT** thiết kế sản phẩm với quyền lợi và mức phí phù hợp
- ▶ **CÁC KHOẢN** Thương duy trì hợp đồng hấp dẫn
- ▶ **MIỄN PHÍ** rút tiền, Phí hủy bỏ Hợp đồng đối với Giá trị tài khoản đóng thêm
- ▶ **GIA TẶNG** bảo vệ với danh mục quyền lợi & sản phẩm bổ trợ đa dạng

THÔNG TIN TƯ VẤN VIÊN/ĐẠI LÝ

Tên (Mã tư vấn viên)	Ic 33 (2210001797)
Điện thoại	
Email	long.dh@mbageas.life

Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ MB Ageas

Tầng 15, Tòa nhà 21 Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (+84) 4 222 9 6666; Fax: (+84) 4 626 9 8080

Số giấy phép: 74/GP/KDBH; Vốn điều lệ: 1500 tỷ đồng

Lĩnh vực kinh doanh: Bảo hiểm Nhân thọ, Bảo hiểm sức khỏe,

Đầu tư tài chính.

Website: mbageas.life

Ngày minh họa: 16/02/2023

Số minh họa: 40372776_146428

A. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số giấy tờ tùy thân	Tuổi bắt đầu bảo hiểm	Nhóm nghề
Bên mua bảo hiểm	Nguyễn Văn A	Nam	01/01/1993	123456789111	30	2
Người được bảo hiểm chính (của hợp đồng chính)	Nguyễn Văn A	Nam	01/01/1993	123456789111	30	2

B. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

Định kỳ đóng phí: Hàng Năm

Lựa chọn quyền lợi bảo hiểm: Quyền lợi Cơ bản

	Người được bảo hiểm	Thời hạn hợp đồng/Thời hạn bảo hiểm (năm) ⁽¹⁾	Thời hạn đóng phí (năm) ⁽²⁾	Số tiền bảo hiểm (STBH)	Phí bảo hiểm định kỳ ⁽³⁾
Sản phẩm chính: SÔNG TRỌN ƯỚC MƠ	Nguyễn Văn A	20	5	1.000.000.000	50.000.000
<u>Quyền lợi bảo hiểm bổ trợ</u> ⁽⁴⁾					
Bảo hiểm tử vong hoặc Thương tật toàn bộ vĩnh viễn do Tai nạn	Nguyễn Văn A	20	-	1.000.000.000	-
Tổng Phí bảo hiểm định kỳ của Sản phẩm chính và Sản phẩm bổ trợ (nếu có)					50.000.000

- (1) Thời hạn hợp đồng của sản phẩm chính là Thời hạn bảo hiểm.
- (2) Đối với sản phẩm chính, Thời hạn đóng phí được thể hiện trong tài liệu này là Thời hạn đóng phí dự kiến được khách hàng lựa chọn để thể hiện dòng tiền trong Bảng minh họa quyền lợi. Đối với sản phẩm bổ trợ, Thời hạn đóng phí không thay đổi trong toàn bộ Thời hạn hợp đồng/Thời hạn tham gia sản phẩm bổ trợ, Phí bảo hiểm của (các) Sản phẩm bổ trợ cần được nộp đầy đủ trong Thời hạn đóng phí/Thời hạn tham gia Sản phẩm bổ trợ.
- (3) Phí bảo hiểm định kỳ của sản phẩm chính không thay đổi trong toàn bộ thời hạn hợp đồng và phải được đóng đầy đủ trong 3 Năm hợp đồng đầu tiên. Phí bảo hiểm đóng thêm được thể hiện tại mục F.
- (4) Phí bảo hiểm rủi ro của (các) Quyền lợi bảo hiểm bổ trợ (nếu có) được khấu trừ hàng tháng từ Giá trị tài khoản của Sản phẩm chính.

Sample

C. THÔNG TIN QUYỀN LỢI HỢP ĐỒNG

Đối với Người được bảo hiểm chính: Nguyễn Văn A

Sản phẩm	Quyền lợi	Số tiền bảo hiểm	Chú thích										
Sản phẩm chính: SÔNG TRỌN ƯỚC MƠ - Quyền lợi bảo hiểm cơ bản	Quyền lợi bảo hiểm Tử vong/TTTBVV (*)	1.000.000.000	§ Trả giá trị lớn hơn giữa Giá trị tài khoản cơ bản và Số tiền bảo hiểm (STBH), cộng với Giá trị tài khoản đóng thêm.										
	Quyền lợi đáo hạn		§ Trả Giá trị tài khoản trừ đi các Khoản nợ (nếu có) vào Ngày đáo hạn Hợp đồng.										
	Thưởng duy trì hợp đồng		<p>Nếu Hợp đồng thỏa các điều kiện theo Quy tắc, Điều khoản của Sản phẩm chính thì Khách hàng sẽ được nhận (các) khoản thưởng, cộng trực tiếp vào Giá trị tài khoản đóng thêm:</p> <p>§ Quyền lợi Thưởng duy trì Hợp đồng định kỳ: Chi trả vào các Ngày kỷ niệm năm Hợp đồng thứ 10 và mỗi 5 năm sau đó nhưng không vượt quá Ngày đáo hạn Hợp đồng, trả 10% Phí bảo hiểm cơ bản.</p> <p>§ Quyền lợi Thưởng duy trì Hợp đồng đặc biệt: Chi trả tại Ngày đáo hạn Hợp đồng hoặc ngày xảy ra Sự kiện bảo hiểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với Ngày đến hạn trả Quyền lợi là Ngày đáo hạn Hợp đồng trả 30% Phí bảo hiểm cơ bản; hoặc - Đối với Ngày đến hạn trả Quyền lợi là Ngày xảy ra Sự kiện bảo hiểm: tùy theo thời điểm xảy ra Sự kiện bảo hiểm <table border="1" style="margin-left: auto; margin-right: auto;"> <thead> <tr> <th>Năm Hợp đồng xảy ra Sự kiện bảo hiểm</th> <th>Từ 10 đến 14</th> <th>Từ 15 đến 19</th> <th>Từ 20 đến 24</th> <th>Từ 25 trở đi</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>% Phí bảo hiểm cơ bản</td> <td>10%</td> <td>20%</td> <td>30%</td> <td>40%</td> </tr> </tbody> </table>	Năm Hợp đồng xảy ra Sự kiện bảo hiểm	Từ 10 đến 14	Từ 15 đến 19	Từ 20 đến 24	Từ 25 trở đi	% Phí bảo hiểm cơ bản	10%	20%	30%	40%
	Năm Hợp đồng xảy ra Sự kiện bảo hiểm	Từ 10 đến 14	Từ 15 đến 19	Từ 20 đến 24	Từ 25 trở đi								
% Phí bảo hiểm cơ bản	10%	20%	30%	40%									
Các quyền lợi khác			<p>§ Thay đổi lựa chọn Quyền lợi Cơ bản/Nâng cao.</p> <p>§ Rút tiền từ Giá trị tài khoản.</p>										

			§ Thay đổi Số tiền bảo hiểm.
			§ Thay đổi Định kỳ đóng phí.
Sản phẩm bổ trợ cho Người được bảo hiểm chính: Nguyễn Văn A			
Bảo hiểm tử vong hoặc Thương tật toàn bộ vĩnh viễn do Tai nạn	Quyền lợi bảo hiểm Tử vong/TTTBVV do Tai nạn (*)	1.000.000.000	<p>§ Trong trường hợp Người được bảo hiểm tử vong/TTTBVV do tai nạn trước 66 tuổi, chi trả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá trị nhỏ hơn giữa 100% Số tiền bảo hiểm và 5 tỉ đồng nếu tai nạn xảy ra khi không tham gia giao thông trên các phương tiện giao thông công cộng; hoặc - Giá trị nhỏ hơn giữa 200% Số tiền bảo hiểm và 10 tỉ đồng nếu tai nạn xảy ra khi tham gia giao thông trên các phương tiện giao thông công cộng.

(*) Trường hợp Người được bảo hiểm dưới 4 tuổi, Quyền lợi bảo hiểm sẽ được điều chỉnh theo quy định tại Quy tắc, Điều khoản sản phẩm.

Sample

D. CÁC LOẠI CHI PHÍ

1. Phí ban đầu:

- Đối với Phí bảo hiểm định kỳ:

Phí ban đầu được xác định theo tỷ lệ % Phí bảo hiểm định kỳ tương ứng đóng cho mỗi Năm Hợp đồng như sau:

Năm Hợp đồng	1	2	3	Từ 4 trở đi
% Phí bảo hiểm định kỳ	70%	35%	15%	0%

- Đối với Phí bảo hiểm đóng thêm: Phí ban đầu được xác định bằng 1,5% Phí bảo hiểm đóng thêm mỗi năm trong 03 Năm Hợp đồng đầu tiên và bằng 0 kể từ Năm Hợp đồng thứ 04 trở đi.

2. Phí quản lý hợp đồng: Phí quản lý hợp đồng là 35.000 đồng/tháng, được miễn trong Năm Hợp đồng đầu tiên và có thể được điều chỉnh theo tỷ lệ lạm phát do Chính phủ công bố nhưng không quá mức tối đa được Bộ Tài chính chấp thuận.

3. Phí quản lý Quỹ: được khấu trừ trước khi MB Ageas Life công bố lãi suất tích lũy, Phí quản lý Quỹ tối đa là 2%/năm tính trên giá trị tài khoản đầu tư của Quỹ liên kết chung và có thể thay đổi sau khi được Bộ Tài chính chấp thuận.

4. Phí bảo hiểm rủi ro: Phí bảo hiểm rủi ro được xác định theo Quyền lợi bảo hiểm rủi ro và tỷ lệ Phí bảo hiểm rủi ro, phù hợp với tuổi, giới tính, nghề nghiệp, tình trạng sức khỏe của Người được bảo hiểm và các quy định đánh giá rủi ro của MB Ageas Life. Tỷ lệ Phí bảo hiểm rủi ro có thể thay đổi sau khi được Bộ Tài chính chấp thuận.

5. Phí hủy bỏ Hợp đồng:

- Đối với Giá trị tài khoản đóng thêm: Miễn Phí hủy bỏ Hợp đồng

- Đối với Giá trị tài khoản cơ bản: phụ thuộc vào thời điểm hủy bỏ Hợp đồng và là giá trị nhỏ hơn giữa Giá trị tài khoản cơ bản và giá trị thể hiện trong bảng dưới đây:

Năm Hợp đồng	1	2	3	4	5	Từ 6 trở đi
% Phí bảo hiểm cơ bản	100%	100%	80%	60%	30%	0%

6. Phí rút tiền từ Giá trị tài khoản: Giá trị tài khoản đóng thêm được miễn Phí rút tiền, Phí rút tiền từ Giá trị tài khoản cơ bản phụ thuộc vào số tiền rút, Giá trị tài khoản cơ bản tại thời điểm yêu cầu rút tiền và Phí hủy bỏ Hợp đồng. Phí rút tiền tối thiểu từ Giá trị tài khoản cơ bản là 100.000 đồng/lần rút và có thể thay đổi sau khi được Bộ Tài chính chấp thuận.

E. TÓM TẮT MINH HỌA HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

Đơn vị: nghìn đồng

Thông tin chung					Lãi suất minh họa 6%				Lãi suất cam kết (**)			
Năm hợp đồng	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Rút tiền	Giá trị tài khoản cơ bản	Giá trị tài khoản đóng thêm	Giá trị tài khoản	Giá trị hoàn lại	Giá trị tài khoản cơ bản	Giá trị tài khoản đóng thêm	Giá trị tài khoản	Giá trị hoàn lại
1	30	50.000	-	-	13.484	-	13.484	-	13.072	-	13.072	-
2	31	50.000	-	-	45.908	-	45.908	-	44.142	-	44.142	-
3	32	50.000	-	-	90.877	-	90.877	50.877	86.447	-	86.447	46.447
4	33	50.000	-	-	146.526	-	146.526	116.526	137.094	-	137.094	107.094
5	34	50.000	-	-	205.539	-	205.539	190.539	187.165	-	187.165	172.165
6	35	-	-	-	215.061	-	215.061	215.061	187.163	-	187.163	187.163
7	36	-	-	-	225.041	-	225.041	225.041	187.055	-	187.055	187.055
8	37	-	-	-	235.537	-	235.537	235.537	186.839	-	186.839	186.839
9	38	-	-	-	246.566	-	246.566	246.566	186.495	-	186.495	186.495
10	39	-	-	-	258.184	5.000	263.184	263.184	186.006	5.000	191.006	191.006
15	44	-	-	-	325.298	11.692	336.990	336.990	175.885	10.255	186.140	186.140
20	49	-	-	-	411.092	35.649	446.741	446.741	158.818	30.779	189.596	189.596

(**) Mức lãi suất cam kết cho Giá trị tài khoản cơ bản và Giá trị tài khoản đóng thêm chi tiết được nêu tại mục J của Bảng minh họa này.

F. MINH HOẠ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM

Đơn vị: nghìn đồng

Năm hợp đồng	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng phí bảo hiểm hàng năm	Phí ban đầu	Phí bảo hiểm phân bổ	
						Tài khoản cơ bản (1)	Tài khoản đóng thêm (2)
1	30	50.000	-	50.000	35.000	15.000	-
2	31	50.000	-	50.000	17.500	32.500	-
3	32	50.000	-	50.000	7.500	42.500	-
4	33	50.000	-	50.000	-	50.000	-
5	34	50.000	-	50.000	-	50.000	-

Sample

G. QUYỀN LỢI VÀ GIÁ TRỊ TÀI KHOẢN HỢP ĐỒNG VỚI LÃI SUẤT MINH HỌA 6%

Đơn vị: nghìn đồng

Năm hợp đồng	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm phân bổ (3) = (1) + (2)	Phí quản lý Hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro		Rút tiền	Quyền lợi Tử vong/ TTTBVV	Giá trị tài khoản cơ bản	Giá trị tài khoản đóng thêm	Giá trị tài khoản	Giá trị hoàn lại
				Phí bảo hiểm rủi ro Sản phẩm bảo hiểm chính	Phí bảo hiểm rủi ro QL bảo hiểm bổ trợ						
1	30	15.000	-	2.340	-	-	1.000.000	13.484	-	13.484	-
2	31	32.500	420	2.334	-	-	1.000.000	45.908	-	45.908	-
3	32	42.500	420	2.326	-	-	1.000.000	90.877	-	90.877	50.877
4	33	50.000	420	2.296	-	-	1.000.000	146.526	-	146.526	116.526
5	34	50.000	420	2.271	-	-	1.000.000	205.539	-	205.539	190.539
6	35	-	420	2.335	-	-	1.000.000	215.061	-	215.061	215.061
7	36	-	420	2.412	-	-	1.000.000	225.041	-	225.041	225.041
8	37	-	420	2.493	-	-	1.000.000	235.537	-	235.537	235.537
9	38	-	420	2.585	-	-	1.000.000	246.566	-	246.566	246.566
10	39	-	420	2.696	-	-	1.010.000	258.184	5.000	263.184	263.184
11	40	-	420	2.816	-	-	1.010.300	270.335	5.300	275.635	275.635
12	41	-	420	2.944	-	-	1.010.618	283.082	5.618	288.700	288.700
13	42	-	420	3.071	-	-	1.010.955	296.462	5.955	302.417	302.417
14	43	-	420	3.205	-	-	1.011.313	310.557	6.313	316.870	316.870
15	44	-	420	3.350	-	-	1.021.692	325.298	11.692	336.990	336.990
16	45	-	420	3.484	-	-	1.022.394	340.785	12.394	353.179	353.179

Đơn vị: nghìn đồng

Năm hợp đồng	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm phân bổ (3) = (1) + (2)	Phí quản lý Hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro		Rút tiền	Quyền lợi Tử vong/ TTTBVV	Giá trị tài khoản cơ bản	Giá trị tài khoản đóng thêm	Giá trị tài khoản	Giá trị hoàn lại
				Phí bảo hiểm rủi ro Sản phẩm bảo hiểm chính	Phí bảo hiểm rủi ro QL bảo hiểm bổ trợ						
17	46	-	420	3.633	-	-	1.023.137	357.047	13.137	370.185	370.185
18	47	-	420	3.768	-	-	1.023.928	374.206	13.928	388.134	388.134
19	48	-	420	3.913	-	-	1.024.763	392.185	14.763	406.949	406.949
20	49	-	420	4.059	-	-	1.035.649	411.092	35.649	446.741	446.741

H. QUYỀN LỢI VÀ GIÁ TRỊ TÀI KHOẢN HỢP ĐỒNG VỚI LÃI SUẤT CAM KẾT TỐI THIỂU

Đơn vị: nghìn đồng

Năm hợp đồng	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm phân bổ (3) = (1) + (2)	Phí quản lý Hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro		Rút tiền	Quyền lợi Tử vong/ TTTBVV	Giá trị tài khoản cơ bản	Giá trị tài khoản đóng thêm	Giá trị tài khoản	Giá trị hoàn lại
				Phí bảo hiểm rủi ro Sản phẩm bảo hiểm chính	Phí bảo hiểm rủi ro QL bảo hiểm bổ trợ						
1	30	15.000	-	2.340	-	-	1.000.000	13.072	-	13.072	-
2	31	32.500	420	2.335	-	-	1.000.000	44.142	-	44.142	-
3	32	42.500	420	2.330	-	-	1.000.000	86.447	-	86.447	46.447
4	33	50.000	420	2.307	-	-	1.000.000	137.094	-	137.094	107.094
5	34	50.000	420	2.293	-	-	1.000.000	187.165	-	187.165	172.165
6	35	-	420	2.374	-	-	1.000.000	187.163	-	187.163	187.163
7	36	-	420	2.472	-	-	1.000.000	187.055	-	187.055	187.055
8	37	-	420	2.578	-	-	1.000.000	186.839	-	186.839	186.839
9	38	-	420	2.701	-	-	1.000.000	186.495	-	186.495	186.495
10	39	-	420	2.848	-	-	1.010.000	186.006	5.000	191.006	191.006
11	40	-	420	3.013	-	-	1.010.050	184.414	5.050	189.464	189.464
12	41	-	420	3.197	-	-	1.010.101	182.621	5.101	187.722	187.722
13	42	-	420	3.390	-	-	1.010.152	180.617	5.152	185.768	185.768
14	43	-	420	3.602	-	-	1.010.203	178.384	5.203	183.587	183.587
15	44	-	420	3.840	-	-	1.020.255	175.885	10.255	186.140	186.140
16	45	-	420	4.080	-	-	1.020.358	173.119	10.358	183.477	183.477

Đơn vị: nghìn đồng

Năm hợp đồng	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm phân bổ (3) = (1) + (2)	Phí quản lý Hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro		Rút tiền	Quyền lợi Tử vong/ TTTBVV	Giá trị tài khoản cơ bản	Giá trị tài khoản đóng thêm	Giá trị tài khoản	Giá trị hoàn lại
				Phí bảo hiểm rủi ro Sản phẩm bảo hiểm chính	Phí bảo hiểm rủi ro QL bảo hiểm bổ trợ						
17	46	-	420	4.356	-	-	1.020.461	170.049	10.461	180.510	180.510
18	47	-	420	4.635	-	-	1.020.566	166.671	10.566	177.237	177.237
19	48	-	420	4.952	-	-	1.020.672	162.937	10.672	173.609	173.609
20	49	-	420	5.297	-	-	1.030.779	158.818	30.779	189.596	189.596

I. CHÚ Ý

- Nhằm đảm bảo các quyền lợi của Hợp đồng bảo hiểm như trong Bảng minh họa, Phí bảo hiểm cơ bản cần phải được đóng đầy đủ và đúng hạn trong suốt Thời hạn đóng phí dự kiến được lựa chọn.
- Giá trị tài khoản cơ bản, Giá trị tài khoản đóng thêm, và các khoản Thưởng duy trì Hợp đồng định kỳ, Thưởng duy trì Hợp đồng đặc biệt được tính tại cuối Năm Hợp đồng. Giá trị tài khoản tại các phương án lãi suất đã bao gồm lịch rút tiền dự kiến (nếu có) và các khoản Thưởng duy trì Hợp đồng (nếu có).
- Các Quyền lợi bảo hiểm bổ trợ/Sản phẩm bổ trợ nhằm gia tăng các quyền lợi bảo vệ. Phí bảo hiểm rủi ro của Quyền lợi bảo hiểm bổ trợ được khấu trừ hàng tháng từ Giá trị tài khoản.
- Bên mua bảo hiểm có quyền yêu cầu tăng/giảm STBH kể từ Năm Hợp đồng thứ 2 nhưng Phí bảo hiểm sẽ giữ nguyên, không thay đổi trong suốt Thời hạn Hợp đồng bảo hiểm. Chi tiết xin quý khách vui lòng tham khảo Quy tắc, Điều khoản Sản phẩm chính.
- Quyền lợi Nâng cao sẽ được tự động chuyển thành Quyền lợi Cơ bản khi NĐBH đạt 66 tuổi.
- Tham gia Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ là một cam kết dài hạn, Quý khách không nên duy trì Hợp đồng trong một thời gian ngắn vì các khoản chi phí ban đầu rất cao.
- Khách hàng còn được nhận các khoản Thưởng duy trì Hợp đồng định kỳ và Thưởng duy trì Hợp đồng đặc biệt như trong bảng dưới đây nếu Hợp đồng thỏa mãn điều kiện nhận Thưởng theo Quy tắc, điều khoản sản phẩm. Giá trị tài khoản trong mục E, G, H đã bao gồm các khoản Thưởng duy trì Hợp đồng định kỳ và Thưởng duy trì Hợp đồng đặc biệt (nếu có).

Đơn vị: nghìn đồng

Năm hợp đồng	Tại mức lãi suất cam kết	Tại mức lãi suất minh họa 6%
10	5.000	5.000
15	5.000	5.000
20	20.000	20.000

J. CÁC THÔNG TIN KHÁC

- Ù Tài liệu minh họa Hợp đồng bảo hiểm này nhằm giúp Quý khách hiểu rõ hơn về Quyền lợi bảo hiểm và Phí bảo hiểm. Để biết thêm chi tiết, Quý khách vui lòng đề nghị Chuyên viên tư vấn tư vấn thêm và/hoặc tham khảo Quy tắc, Điều khoản sản phẩm bảo hiểm đã được Bộ Tài chính phê chuẩn.
- Ù Các số liệu trong tài liệu minh họa này được xác định tại thời điểm minh họa và dựa trên giả định rằng, trong Thời hạn Hợp đồng Quý khách hàng thực hiện đầy đủ và đúng hạn các quy định về đóng phí và không có yêu cầu nào của Quý khách làm thay đổi những số liệu trên.
- Ù Tùy theo kết quả đầu tư của Quỹ liên kết chung, lãi suất tích lũy vào Giá trị tài khoản của khách hàng có thể tăng hoặc giảm nhưng không thấp hơn mức lãi suất cam kết tối thiểu. Lãi suất cam kết tối thiểu của công ty được quy định theo bảng dưới đây:

Năm Hợp đồng	1	2	3	4	Từ 5 đến 10	Từ 11 đến 20	Từ 21 trở đi
Lãi suất cam kết tối thiểu	3%	3%	3%	2,5%	1,5%	1%	0,5%

- Ù Phí bảo hiểm rủi ro của Sản phẩm chính, Phí bảo hiểm rủi ro của Quyền lợi bảo hiểm bổ trợ (nếu có) và Phí bảo hiểm của (các) Sản phẩm bổ trợ được minh họa trên đây có thể thay đổi sau khi được Bộ Tài chính phê chuẩn.
- Ù Phí bảo hiểm, Phí bảo hiểm rủi ro được trình bày trên đây là mức phí cho người có điều kiện bảo hiểm tiêu chuẩn theo quy định của MB Ageas Life. Phí bảo hiểm, Phí bảo hiểm rủi ro áp dụng cho Quý khách có thể khác với minh họa ở trên, phụ thuộc vào tình trạng sức khỏe, nghề nghiệp và địa bàn sinh sống của Người được bảo hiểm.

XÁC NHẬN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM

Tôi, Bên mua bảo hiểm ký tên dưới đây, xác nhận đã được Chuyên viên tư vấn của MB Ageas Life có tên và mã số như trong tài liệu này giải thích và tư vấn rõ ràng, đầy đủ về Tài liệu minh họa cũng như Quy tắc, Điều khoản sản phẩm bảo hiểm SÔNG TRỌN ƯỚC MƠ. Tôi cũng xác nhận đã đọc và hiểu toàn bộ nội dung của Tài liệu minh họa này, kể cả các lưu ý, các đặc điểm, quyền lợi và trách nhiệm của Tôi khi tham gia bảo hiểm.

Chữ ký:

Họ và tên: Nguyễn Văn A

Ngày/tháng/năm: _____

XÁC NHẬN CỦA CHUYÊN VIÊN TƯ VẤN BẢO HIỂM

Tôi, Chuyên viên tư vấn ký tên dưới đây, cam kết đã giải thích và tư vấn rõ ràng, đầy đủ cho Bên mua bảo hiểm về nội dung Tài liệu minh họa cũng như Quy tắc, Điều khoản sản phẩm bảo hiểm SÔNG TRỌN ƯỚC MƠ.

Chữ ký:

Họ và tên: Ic 33

Ngày/tháng/năm: _____